TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 09 - 5 - 2018
V/v tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thi.

Bà Nguyễn Thị Thu Từ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình. Do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 06/2018/HNGĐ-ST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2018/QĐ-PT, ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Duy L. Sinh năm 1990. Có mặt.

Trú tại: Khối 4A, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th - Luật sư Văn phòng luật sư Cao Trí - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Vi Thị Ng. Sinh năm 1994. Có mặt.

Hộ khẩu thường trú: Khối 4A, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Hiện trú tại: Bản Lũng, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn V. Sinh năm 1963. Có mặt.

- Bà Đặng Thị H. Sinh năm 1965. Có mặt.

Đều trú tại: Khối 4A, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An.

4. Người kháng cáo: Anh Lê Duy L; Chị Vi Thị Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2016, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Duy L trình bày:

Anh Lê Duy L và chị Vi Thị Ng kết hôn vào ngày 13/7/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh L là ông Lê Văn V và bà Đặng Thị H tại khối 4A, Thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm, sau đó giữa 2 vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau nên bất đồng quan điểm, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết để hàn gắn trở lại. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào ngày 29/4/2016 vợ chồng mâu thuẫn, xô xát nhau nên chị Ng đã về nhà cha mẹ đẻ tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An sinh sống, khoảng 1 tháng sau anh L có gặp chị Ng bàn bạc để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị Ng không đồng ý nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh L và chị Ng sinh được 01 con chung là Lê Quang Gia V, sinh ngày 18/12/2012, từ ngày vợ chồng sống ly thân con ở với chị Ng. Đến ngày 18/9/2017 anh L đưa con về vì chị Ng không thường xuyên ở nhà nuôi con mà để con cho ông bà ngoại nuôi, việc chăm sóc và đưa đón con đi học chủ yếu là ông bà ngoại, hơn nữa điều kiện sống của con không tốt vì ông bà ngoại còn có con nhỏ 3 tuổi, hiện tại con đang ở với anh L. Nay vợ chồng ly hôn, anh L có nguyện vọng được nuôi con vì chị Ng ở vùng dân tộc thiểu số, môi trường sống không tốt, chị Ng thường xuyên đi làm ăn ở thành phố Vinh, việc nuôi con và đưa đón con đi học đều do ông bà ngoại lo. Còn điều kiện của anh L là nhà ở địa bàn thị trấn, gần trường học, anh L có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con. Về phần cấp dưỡng nuôi con, anh L không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, bố mẹ anh L là ông Lê Văn V và bà Đặng Thị H đã tặng cho vợ chồng 01 thửa đất số 141, tờ bản đồ số 11, tại khối 4A, Thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An. Mục đích của việc tách thửa tặng cho vợ chồng là để có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn làm ăn nhưng trên thực tế ông V và bà H chưa cho vợ chồng thửa đất này. Nay vợ chồng ly hôn trả lại đất cho ông V và bà H. Việc chị Ng yêu cầu chia thửa đất này anh L không chấp nhận mà trả lại đất cho ông V và bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Vi Thị Ng trình bày: Thống nhất thời gian, điều kiện kết hôn như anh L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2016 anh L thường xuyên uống rượu về đánh đập chị Ng nhiều lần, đỉnh điểm là vào tối ngày 29/4/2016 anh L đánh đập chị Ng, đến 3 giờ sáng ngày 30/4/2017 anh L chở chị Ng về nhà cha mẹ đẻ ở huyện Tương Dương nhưng anh L chỉ chở chị Ng đến huyện C thả chị Ng giữa đường và bỏ về. Nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh L yêu cầu được ly hôn với chị Ng, chị Ng cũng đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Quang Gia V, sinh ngày 18/12/2012, con ở với chị Ng từ ngày ly thân là ngày 29/4/2016, đến ngày 23/8/2016 chị Ng cho con đi học tại Trường mầm non xã T, huyện T, tỉnh Ngệ An. Qúa trình sống ly thân, chị Ng có đi học nghề ở thành phố V, nên việc đưa đón con đi học chị Ng nhờ ông bà ngoại đưa đón con, chị Ng chỉ đưa đón con đầu tuần và cuối tuần. Việc học hành và nuôi dưỡng con ổn định từ ngày vợ chồng chị Ng và anh L sống ly thân. Nhưng đến ngày 18/9/2017 anh L bắt con về mà không bàn bạc với chị Ng làm ảnh hưởng đến việc học hành và tâm sinh lý của con. Nên ngày 25/9/2017, chị Ng biết, con chị đang được ông V bà H là bố mẹ anh L gửi học tại Trường Mầm non Thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An nên chị đã vào trường thăm gặp con và đưa con về nhưng sau đó nhà trường đã gọi điện báo cho ông V và bà H đến cản trở chị Ng đưa con về. Việc ông V bà H cản trở chị Ng đưa con về là đang tước đi quyền làm mẹ của chị Ng. Hiện tại con đang ở với anh L tại nhà ông V và bà H. Nay vợ chồng ly hôn, chị Ng có nguyện vọng tha thiết được nuôi con vì con đang còn nhỏ, từ khi con sinh ra việc chăm sóc con là do chị Ng chăm sóc. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị Ng yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng một tháng).

Về tài sản chung: Trong quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, ông Lê Văn V và bà Đặng Thị H đã tặng cho vợ chồng 01 thửa đất số 141, tờ bản đồ số 11, tại khối 4A, Thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 784888 ngày 20/02/2014 mang tên Lê Duy L và Vi Thị Ng. Nay ly hôn đề nghị Tòa án chia thửa đất này cho vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn V và bà Đặng Thị H thống nhất trình bày: Việc ông V bà H làm thủ tục tặng cho vợ chồng anh Lê Duy L và chị Vi Thị Ng thửa đất 141, tờ bản đồ số 11, tại khối 4A, Thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Duy L và Vi Thị Ng là có thật. Tuy nhiên, trên thực tế ông V và bà H chưa cho vợ chồng anh L và chị Ng thửa đất này, sau khi tách thửa

ông V và bà H vẫn sử dụng thửa đất, các công trình trên đất để bán cà phê từ đó cho đến nay. Vì mục đích khi tách thửa cho vợ chồng L Ng đứng tên là để có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng làm ăn. Nay chị Ng yêu cầu chia thửa đất này cho vợ chồng anh L chị Ng ông V và bà H không đồng ý.

Tại bản án số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 58, điều 59, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 274, điều 280 Bộ luật Dân sự; khoản 8, 9 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Duy L và chị Vi Thị Ng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Quang Gia V sinh ngày 18/12/2012 cho chị Vi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Duy L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng), thi hành kể từ tháng 01/2018 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Lê Duy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản:

* Giao cho anh Lê Duy L sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 11, tại khối 4A, Thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An phía đông giáp đường giao thông, phía tây giáp đất ông Lê Văn V, phía nam giáp đất UBND Thị trấn quản lý, phía bắc giáp đường giao thông trị giá 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và sở hữu các tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 43.2 m^2 trị giá 9.618.000 đồng; 01 mái che không có tường bao quanh, lợp mái tôn tráng kẽm, bao quanh bằng lan can lửng (khu sử dụng làm quầy bar bán ca phê có diện tích 38 m^2 trị giá: 7.000.000 đồng; Nền gạch men có diện tích 53 m^2 (phía trên có mái che, không có tường bao quanh, lợp tôn tráng kẽm và 01 phần lợp pro xi măng) trị giá 10.684.000 đồng; 01 mái tôn có diện tích 15 $m^{2,}$ trị giá: 500.000 đồng; 01 nhà vệ sinh tự hoại đã hết giá trị sử dụng; 01 nhà kho lợp ngói đã hết giá trị sử dụng; 01 xái lợp pro xi măng đã hết giá trị sử dụng; 01 bờ tường rào xây gạch táp lô đã hết giá trị sử dụng; 01 sân lát gạch đỏ có diện tích 26 m^2 trị giá 3.814.000 đồng; 02 trụ cổng trị giá: 1.500.000 đồng; 01 cây ổi trị giá: 200.000 đồng; 01 cây mận quân trị giá: 200.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản anh Lê Duy L được giao sử dụng và sở hữu là: 383.516.000 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu, năm trăm mười sáu nghìn đồng).

Nhưng anh Lê Duy L phải có nghĩa vụ giao lại cho ông Lê Văn V và bà Đặng Thị H số tiền trị giá các tài sản gắn liền trên thửa đất số 141 là: 33.516.000 đồng (Ba mươi ba triệu, năm trăm mười sáu nghìn đồng).

Và có nghĩa vụ giao cho chị Vi Thị Ng số tiền chênh lệch về tài sản là 140.000.000 đồng (Một trăm, bốn mươi triệu đồng).

Trị giá tài sản của anh Lê Duy L được hưởng còn lại là 210.000.000 đồng (Hai trăm, mười triệu đồng).

Chị Vi Thị Ng được sở hữu số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm, bốn mươi triệu đồng) do anh Lê Duy L giao lại.

Ông Lê Văn V và bà Đặng Thị H được sở hữu số tiền 33.516.000 đồng (Ba mươi ba triệu, năm trăm mười sáu nghìn đồng) do anh Lê Duy L giao lại.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

- Ngày 23/01/2018 của anh Lê Duy L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại và giao con chung là cháu Lê Quang Gia V cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ngày 27/01/2018, chị Vi Thị Ng kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng theo hướng được phân chia hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Lê Duy L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Bị đơn chị Vi Thị Ng rút toàn bộ nội dung kháng cáo, nhất trí với bản án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Quang Gia V cho anh Lê Duy L trực tiếp nuôi dưỡng với lí do: Cháu V đã được sinh ra và sống ổn định tại nhà anh L, hiện nay chị Ng công việc, nghề nghiệp không ổn định, hơn nữa điều kiện kinh tế, an ninh tại địa bàn chị Ng sinh sống không đảm bảo (xã T là trọng điểm về tệ nạn xã hội) ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của cháu V.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An công nhận quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, điều 289; điều 312; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của chị Vi Thị Ng; Không chấp nhận kháng cáo của Lê Duy L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Lê Duy L với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại và giao con chung là cháu Lê Quang Gia V cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quang Gia V, sinh ngày 18/12/2012, cháu V ở với chị Ng từ khi vợ chồng sống ly thân đến ngày 18/9/2017 anh L đưa con về, hiện tại con đang ở với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Lê Duy L và chị Vi Thị Ng đều có nguyện vọng nuôi con.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L cho rằng rằng điều kiện nuôi con của anh L tốt hơn chị Ng vì chị Ng ở vùng dân tộc thiểu số, môi trường sống không tốt, chị Ng thường xuyên đi làm ăn ở thành phố Vinh, việc nuôi con và đưa đón con đi học đều do ông bà ngoại lo. Còn điều kiện của anh L là nhà ở địa bàn thị trấn, gần trường học, anh L có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con.

[3] Chị Vi Thị Ng cũng có nguyện vọng được nuôi con vì con còn nhỏ, chị Ng cũng có công việc ổn định tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An và đủ điều kiện nuôi con.

[4] Nguyện vọng của anh Lê Duy L và chị Vi Thị Ng về việc nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, cần xem xét giao con cho ai nuôi là phù hợp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho con.

[5] Xét thấy, cháu Lê Quang Gia V từ lúc sinh ra do chị Vi Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu V ở với chị Ng việc học tập, sinh hoạt của cháu vẫn đảm bảo và ổn định. Chị Ng là người có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định, hơn nữa cháu V còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, việc cấp sơ thẩm giao con cho chị Vi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đã xem xét đến quyền lợi mọi mặt của con; phù hợp với tinh thần của pháp luật Việt Nam, đúng theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh L cần giữ nguyên như án sơ thẩm.

[6] Chị Vi Thị Ng kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng theo hướng được phân chia hiện vật. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Vi Thị Ng rút toàn bộ nội dung kháng cáo không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, cần căn cứ vào Điều 289, Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ đối với nội dung kháng cáo này.

[7] Về án phí: Kháng cáo của anh L không được chấp nhận, chị Ng rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 289, Điều 312, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Vi Thị Ng.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Duy L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Quang Gia V sinh ngày 18/12/2012 cho chị Vi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Duy L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu) đồng một tháng, thi hành kể từ tháng 01/2018 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Lê Duy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Lê Duy L phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001927 ngày 24/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Nghệ An, còn phải nộp thêm 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Anh Lê Duy L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002110 ngày 12/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Nghệ An.

Chị Vi Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002114 ngày 30/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Nghệ An.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện A, tỉnh NA;
- Chi Cục THADS huyện A, tỉnh NA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân